ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958/QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
187	16C 35 005	Đinh Thị Vân	Hà	Nữ	12/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Vật lý địa cầu		
188	16C 36 001	Lê Đức	Định	Nam	25/08/1992	Thanh Hóa	Hải dương học		
189	16C 36 002	Nguyễn Hoàng Phương	Trúc	Nữ	12/01/1993	Phú Yên	Hải dương học		
190	16C 36 003	Võ Thị Thảo	Vi	Nữ	14/10/1993	Tây Ninh	Hải dương học		
191	16C 36 004	Nguyễn Văn Anh	Vũ	Nam	07/02/1993	Sông Bé	Hải dương học		
192	16C 36 005	Nguyễn Ngọc	Dương	Nam	06/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hải dương học	Tự do	
193	16C 36 006	Ngô Quang Bảo	Hoàng	Nữ	17/10/1994	Thừa Thiên Huế	Hải dương học	Tự do	
194	16C 36 007	Nguyễn Khắc Thành	Long	Nam	11/07/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hải dương học	Tự do	
195	16C 36 008	Nguyễn Chí	Thương	Nam	18/02/1994	Cần Thơ	Hải dương học	Tự do	
196	16C 36 009	Phạm Vũ Phương	Trang	Nữ	08/10/1994	Tây Ninh	Hải dương học	Tự do	
197	16C 36 010	Nguyễn Vĩnh Bảo	Trung	Nam	18/10/1990	Khánh Hòa	Hải dương học	Tự do	
198	16C 36 011	Võ Thanh	Tùng	Nam	08/01/1994	Long An	Hải dương học	Tự do	
199	16C 36 012	Phan Thị Hà	Tuyên	Nữ	04/11/1994	Phú Yên	Hải dương học	Tự do	
200	16C 36 013	Phạm Minh	Quân	Nam	15/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hải dương học		
201	16C 37 001	Nguyễn Thị Phương	Chi	Nữ	05/02/1972	TP. Hồ Chí Minh	Khí tượng và khí hậu học		
202	16C 37 002	Võ Thị	Nguyên	Nữ	07/01/1993	Quảng Ngãi	Khí tượng và khí hậu học		
203	16C 37 003	Trần Hà	Xuyên	Nữ	08/01/1993	Phú Yên	Khí tượng và khí hậu học		
204	16C 37 004	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	Nữ	10/11/1993	Nghệ An	Khí tượng và khí hậu học	Tự do	
205	16C 37 005	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	07/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Khí tượng và khí hậu học	Tự do	
206	16C 37 006	Nguyễn Ngọc	Phụng	Nữ	18/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	Khí tượng và khí hậu học	CTS	
207	16C 41 001	Đoàn Thanh	Bình	Nam	22/01/1993	Thái Bình	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS	
208	16C 41 002	Lý Thành	Đạt	Nam	03/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS	
209	16C 41 003	Nguyễn Tấn	Kiệt	Nam	06/12/1993	Tiền Giang	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS	
210	16C 41 004	Nguyễn Hoài	Nhân	Nam	02/07/1991	Long An	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính		
211	16C 41 005	Thái Minh	Khởi	Nam	1986	Trà Vinh	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính	Tự do	
212	16C 41 006	Trần Ngọc Bảo	Trí	Nam	04/08/1993	Tiền Giang	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính	CTS	
213	16C 41 009	Nguyễn Đình	Thục	Nam	21/06/1992	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật điện tử: hướng Điện tử - Viễn thông- Máy tính	Tự do	
214	16C 42 002	Lê Duy	Khanh	Nam	25/06/1987	Quảng Ngãi	KTĐT hướng Vi điện tử và Thiết kế vi mạch		
215	16C 42 003	Nguyễn Hải	Long	Nam	24/05/1984	Thừa Thiên Huế	KTĐT hướng Vi điện tử và Thiết kế vi mạch		
216	16C 51 001	Đặng Thái	Anh	Nam	15/11/1992	Tiền Giang	Hóa hữu cơ		
217	16C 51 002	Bùi Thị Kim	Bình	Nữ	11/09/1993	Quảng Ngãi	Hóa hữu cơ		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1957/QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
218	16C 51 003	Nguyễn Hồng	Duy	Nam	27/09/1993	Tiền Giang	Hóa hữu cơ		
219	16C 51 004	Nguyễn Trường	Hải	Nam	19/02/1993	Tiền Giang	Hóa hữu cơ		
220	16C 51 005	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	02/04/1990	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ		
221	16C 51 006	Phạm Thị Minh	Thảo	Nữ	11/03/1988	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ		
222	16C 51 007	Nguyễn Thái	Thế	Nam	22/03/1993	Bình Thuận	Hóa hữu cơ	CTS	
223	16C 51 008	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	05/10/1993	Đồng Nai	Hóa hữu cơ		
224	16C 51 009	Nguyễn Ngọc Kiều	Vy	Nữ	28/09/1993	Khánh Hòa	Hóa hữu cơ		
225	16C 51 010	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	Nữ	18/12/1991	Trà Vinh	Hóa hữu cơ	Tự do	
226	16C 51 011	Lê Mạnh	Cửa	Nam	20/04/1993	Bình Định	Hóa hữu cơ	Tự do	
227	16C 51 012	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	14/07/1994	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Tự do	
228	16C 51 013	Hà Quang	Hiệp	Nam	23/07/1993	Hà Nam	Hóa hữu cơ	Tự do	
229	16C 51 015	Vũ Thanh	Hoài	Nữ	16/02/1994	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	CTS	
230	16C 51 016	H Mơ	Kễn	Nữ	18/06/1990	Đăk Lăk	Hóa hữu cơ	Tự do	
231	16C 51 017	Dương Tùng	Kha	Nam	22/07/1994	Kiên Giang	Hóa hữu cơ	Tự do	
232	16C 51 018	Nguyễn Thị Hoài	Khanh	Nữ	04/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Tự do	
233	16C 51 019	Bùi Thị Hồng	Lĩnh	Nữ	02/02/1994	Hà Tĩnh	Hóa hữu cơ	Tự do	
234	16C 51 020	Võ Thị Kiều	Loan	Nữ	29/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	CTS	
235	16C 51 022	Huỳnh Thị Thu	Lợi	Nữ	24/04/1994	Bình Định	Hóa hữu cơ	Tự do	
236	16C 51 023	Trương Ngọc Anh	Luân	Nam	01/06/1994	Long An	Hóa hữu cơ	Tự do	
237	16C 51 024	Đặng Thị Tuyết	Mai	Nữ	11/01/1994	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Tự do	
238	16C 51 025	Trần Phạm Loan	Phương	Nữ	19/03/1993	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Tự do	
239	16C 51 026	Trần Thị Kim	Thanh	Nữ	23/03/1994	Long An	Hóa hữu cơ	Tự do	
240	16C 51 027	Huỳnh Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	09/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Tự do	
241	16C 51 028	Lê Phương	Thảo	Nữ	06/10/1993	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	Tự do	
242	16C 51 029	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	12/07/1992	Đăk Lăk	Hóa hữu cơ	Tự do	
243	16C 51 030	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	04/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Tự do	
244	16C 51 031	Đinh Minh	Văn	Nam	14/01/1994	Đồng Nai	Hóa hữu cơ	CTS	
245	16C 51 032	Trương Quốc	Vinh	Nam	28/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa hữu cơ	Tự do	
246	16C 52 001	Nguyễn Hoàng	Diệu	Nữ	02/11/1990	Tiền Giang	Hóa phân tích		
247	16C 52 002	Đàm Thị Bích	Hạnh	Nữ	21/12/1988	Buôn Ma Thuột	Hóa phân tích		
248	16C 52 003	Nguyễn Từ	Hòa	Nữ	24/07/1992	Bình Thuận	Hóa phân tích		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
249	16C 52 004	Huỳnh Lâm Diễm	My	Nữ	01/04/1991	Đồng Nai	Hóa phân tích		
250	16C 52 005	Đào Trí	Nguyên	Nam	29/11/1988	Đồng Nai	Hóa phân tích		
251	16C 52 006	Võ Thị Kim	Quyên	Nữ	17/03/1977	Bình Dương	Hóa phân tích		
252	16C 52 007	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	10/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hóa phân tích	CTS	
253	16C 52 008	Tô Thị Mỹ	Tiên	Nữ	11/02/1988	Tiền Giang	Hóa phân tích		
254	16C 52 009	Đỗ Quốc	Trung	Nam	30/07/1987	Bình Dương	Hóa phân tích		
255	16C 52 010	Lê Hữu Quang	Tuyến	Nam	12/10/1987	TP. Hồ Chí Minh	Hóa phân tích		
256	16C 52 011	Nguyễn Công	Hậu	Nam	21/01/1994	Long An	Hóa phân tích	CTS	Đại học KHTN
257	16C 52 012	Nguyễn Hoàng	Nguyên	Nữ	16/12/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hóa phân tích	CTS	
258	16C 52 013	Vương Quốc	Phương	Nam	12/06/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa phân tích	CTS	Trung tâm kỹ thuật 3
259	16C 52 014	Nguyễn Hữu	Quang	Nam	08/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa phân tích	CTS	Đại học KHTN
260	16C 52 015	Trần Lâm Thanh	Thiện	Nam	30/07/1994	Tiền Giang	Hóa phân tích	CTS	Đại học KHTN
261	16C 52 016	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	01/01/1994	Tây Ninh	Hóa phân tích	CTS	Trung tâm Kỹ thuật Đo lường chất lượng 3
262	16C 53 001	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	07/10/1993	Bình Dương	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
263	16C 53 002	Trần Minh	Hiền	Nam	25/10/1993	Bà Rịa	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
264	16C 53 003	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	Nữ	23/12/1993	Bến Tre	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
265	16C 53 004	Mai Thị Thùy	Lam	Nữ	02/09/1988	Vĩnh Long	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
266	16C 53 005	Trần Thị Thùy	Lam	Nữ	06/02/1993	Bến Tre	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
267	16C 53 006	Lê Phạm Phương	Nam	Nam	24/03/1993	Đồng Nai	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CTS	
268	16C 53 007	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	19/10/1993	Long An	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
269	16C 53 008	Huỳnh Thị Kim	Tuyên	Nữ	01/11/1992	Phú Yên	Hóa lý thuyết và Hóa lý		
270	16C 53 010	Nguyễn Viết	Dũng	Nam	20/07/1993	Quảng Ngãi	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tự do	
271	16C 53 011	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	14/10/1983	Thanh Hóa	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tự do	
272	16C 53 012	Phạm Huy	Lâm	Nam	11/10/1994	Tiền Giang	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tự do	
273	16C 53 013	Hồ Thị Thanh	Nguyên	Nữ	20/12/1994	Bình Thuận	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CTS	
274	16C 53 014	Trần Thanh	Nhựt	Nam	02/08/1992	Đồng Nai	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Tự do	
275	16C 54 001	Đỗ Nguyễn Triết	Khương	Nam	22/08/1993	Đồng Nai	Hóa vô cơ		
276	16C 54 002	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	10/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	Hóa vô cơ		
277	16C 54 003	Đoàn Đình	Luân	Nam	18/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	Hóa vô cơ	CTS	
278	16C 54 004	Trần Thị	Ngân	Nữ	07/06/1993	Đăk Lăk	Hóa vô cơ		
279	16C 54 005	Lê Nhật	Thùy	Nữ	28/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hóa vô cơ		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
280	16C 54 006	Nguyễn Tri	Hải	Nam	18/01/1994	Bình Phước	Hóa vô cơ	Tự do	
281	16C 54 007	Nguyễn Thị Ngọc	My	Nữ	15/09/1994	Tiền Giang	Hóa vô cơ	Tự do	
282	16C 54 008	Lê Văn	Trà	Nam	20/04/1983	Bình Định	Hóa vô cơ	Tự do	
283	16C 54 009	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	28/05/1978	Quảng Ngãi	Hóa vô cơ	Tự do	
284	16C 61 002	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	02/02/1990	Bình Dương	Hóa sinh học		
285	16C 61 003	Võ Thế Ngọc	Bích	Nữ	05/11/1981	Đồng Nai	Hóa sinh học		
286	16C 61 004	Hà Bảo	Châu	Nữ	01/06/1994	Đồng Nai	Hóa sinh học	CTS	
287	16C 61 005	Đặng Đình	Dần	Nam	09/01/1986	Sơn La	Hóa sinh học		
288	16C 61 006	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nam	1980	Trà Vinh	Hóa sinh học		
289	16C 61 007	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	24/09/1993	Đồng Nai	Hóa sinh học		
290	16C 61 008	Đào Thị Ngọc	Hiền	Nữ	24/12/1987	Hóc Môn	Hóa sinh học		
291	16C 61 009	Bùi Thị	Luyến	Nữ	16/06/1986	Vĩnh Phúc	Hóa sinh học		
292	16C 61 010	Thái Tiểu	My	Nữ	05/09/1993	Kiên Giang	Hóa sinh học		
293	16C 61 011	Vũ Xuân Hoa	Mỹ	Nữ	27/07/1985	Lâm Đồng	Hóa sinh học		
294	16C 61 012	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	14/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hóa sinh học		
295	16C 61 013	Hồ Lê Diễm	Trinh	Nữ	13/03/1990	Vĩnh Long	Hóa sinh học		
296	16C 61 014	Bùi Văn	Trình	Nam	05/08/1987	Đồng Nai	Hóa sinh học		
297	16C 61 015	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	Nữ	27/04/1991	TP. Hồ Chí Minh	Hóa sinh học		
298	16C 61 016	Huỳnh Quốc	Việt	Nam	06/08/1991	Bình Định	Hóa sinh học		
299	16C 61 017	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	26/03/1989	Nghĩa Bình	Hóa sinh học	Tự do	
300	16C 61 018	Trần Thị Diễm	Hương	Nữ	02/02/1993	Bến Tre	Hóa sinh học	Tự do	
301	16C 61 019	Nguyễn Kinh	Luân	Nam	13/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	Hóa sinh học	Tự do	
302	16C 61 020	Phùng Thị Ly	Ly	Nữ	03/05/1994	Bình Định	Hóa sinh học	Tự do	
303	16C 61 021	Chu Thị Minh	Nguyệt	Nữ	29/08/1988	Phú Khánh	Hóa sinh học	Tự do	
304	16C 61 022	Lại Nguyễn Minh	Thư	Nữ	14/02/1994	Long An	Hóa sinh học	CTS	Trường Đại học KHTN
305	16C 61 023	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	26/02/1979	Đồng Nai	Hóa sinh học	Tự do	
306	16C 62 001	Lưu Thị Thảo	An	Nữ	14/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
307	16C 62 002	Lê Hà	Đăng	Nam	30/06/1992	Bình Định	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
308	16C 62 003	Lê Võ Ngọc	Diễm	Nữ	25/08/1992	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
309	16C 62 004	Phạm Thị Kiều	Diện	Nữ	27/03/1993	Gia Lai	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
310	16C 62 005	Nguyễn Đào Thanh	Hương	Nữ	23/12/1988	Hải Dương	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
311	16C 62 006	Nguyễn Tiến Anh	Huy	Nam	10/06/1993	Đà Lạt	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
312	16C 62 007	Trần Hải Đăng	Khoa	Nữ	02/01/1982	Tiền Giang	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
313	16C 62 008	Nguyễn Ánh	Tuyết	Nữ	18/07/1992	Lâm Đồng	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
314	16C 62 009	Phan Hải	Văn	Nữ	26/03/1990	Phú Yên	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật		
315	16C 62 010	Trần Hoài	Nguyên	Nam	21/08/1992	Sông Bé	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật	Tự do	
316	16C 62 011	Đặng Thị	Nhàn	Nữ	11/05/1989	Thanh Hóa	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật	Tự do	
317	16C 62 012	Trần Thanh	Thắng	Nam	12/07/1994	Đồng Nai	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật	CTS	
318	16C 62 013	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	06/06/1990	Bình Định	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý thực vật	Chuyên viên	Công ty cổ phần Anh Đào
319	16C 63 001	Nguyễn Hoàng	An	Nam	17/09/1992	An Giang	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
320	16C 63 002	Phan Thị Thanh	Chi	Nữ	11/08/1991	Bình Định	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
321	16C 63 003	Huỳnh Nguyễn Trường	Giang	Nam	23/11/1993	Đồng Tháp	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
322	16C 63 004	Nguyễn Thị Thanh	Hà	Nữ	05/09/1988	Kiên Giang	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
323	16C 63 005	Hứa Hoàng Quốc	Huy	Nam	26/05/1993	Đồng Nai	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	CTS	
324	16C 63 006	Nguyễn Thị Khánh	Ngâu	Nữ	14/09/1993	TP. Đà Nẵng	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
325	16C 63 007	Phạm Hoàng Vũ	Nhật	Nam	27/04/1993	Biên Hòa	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
326	16C 63 008	Lưu Ngọc	Phát	Nam	08/04/1991	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	CTS	
327	16C 63 009	Đặng Trường	Sơn	Nam	25/06/1992	Bến Tre	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
328	16C 63 010	Văn Công	Thắng	Nam	1991	Long An	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
329	16C 63 011	Đặng Thị Kiều	Trang	Nữ	08/06/1991	Quảng Ngãi	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	CTS	
330	16C 63 012	Nguyễn Minh	Trí	Nam	09/09/1989	Tây Ninh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
331	16C 63 013	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	Nữ	02/04/1992	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
332	16C 63 014	Nguyễn Phát	Truyền	Nam	07/04/1992	Long An	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
333	16C 63 015	Trương Thanh	Tùng	Nam	13/03/1993	Quảng Nam	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
334	16C 63 016	Trần Thị Cẩm	Vân	Nữ	30/01/1992	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật		
335	16C 63 017	Nguyễn Ngọc	Cường	Nam	10/10/1993	Bình Định	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Tự do	
336	16C 63 018	Chung Thị Mỹ	Duyên	Nữ	20/08/1986	Thuận Hải	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Tự do	
337	16C 63 019	Trịnh Thụy Thanh	Giang	Nữ	19/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Chuyên viên	Bệnh viện Từ Dũ
338	16C 63 020	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	26/06/1994	Thái Bình	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Tự do	
339	16C 63 021	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	24/04/1993	Bình Định	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Tự do	
340	16C 63 022	Nguyễn Hoàng	Thảo	Nữ	20/08/1981	Bình Dương	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Nghiên cứu viên	Bệnh viện phụ sản Bình Dương
341	16C 63 023	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	11/05/1975	TP. Hồ Chí Minh	Sinh học thực nghiệm: hướng Sinh lý động vật	Tự do	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC NĂM 2016
Kèm theo quyết định số 1958 /QĐ-KHTN-SĐH ngày 23/12/2016
của Hiệu trưởng Trường ĐH KH TN

Stt	Mã số HV	Họ và	tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Đối tượng	Cơ quan công tác
342	16C 64 001	Lưu Quốc	Bảo	Nam	20/08/1993	Bến Tre	Vi sinh vật học		
343	16C 64 002	Trần Lê Phương	Duy	Nam	12/06/1993	Đồng Nai	Vi sinh vật học		
344	16C 64 003	Trần Trường	Giang	Nam	26/09/1992	Long An	Vi sinh vật học		
345	16C 64 004	Lê Thị Ngọc	Hà	Nữ	20/06/1991	Phú Yên	Vi sinh vật học		
346	16C 64 005	Lê Thị	Hằng	Nữ	23/09/1988	Vĩnh Phúc	Vi sinh vật học		
347	16C 64 006	Lê Thị	Hiên	Nữ	17/07/1987	Thanh Hóa	Vi sinh vật học		
348	16C 64 007	Đạo Nữ Diệu	Hồng	Nữ	17/09/1991	Ninh Thuận	Vi sinh vật học		
349	16C 64 008	Trần Thị Khánh	Linh	Nữ	29/10/1989	Đồng Tháp	Vi sinh vật học		
350	16C 64 010	Ngô Thị Cẩm	Nhung	Nữ	07/11/1993	Bình Phước	Vi sinh vật học	CTS	
351	16C 64 011	Vương Thuận	Phát	Nam	27/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học		
352	16C 64 012	Phan Thị Trúc	Phương	Nữ	28/02/1991	Bình Định	Vi sinh vật học		
353	16C 64 013	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	Nữ	01/10/1986	Tiền Giang	Vi sinh vật học		
354	16C 64 014	Phạm Anh	Tài	Nam	28/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học		
355	16C 64 015	Trịnh Minh	Thư	Nữ	12/09/1993	Ninh Thuận	Vi sinh vật học		
356	16C 64 016	Đào Anh	Tuân	Nam	24/12/1993	Kiên Giang	Vi sinh vật học		
357	16C 64 017	Đặng Thị Tường	Vi	Nữ	17/05/1993	Gia Lai	Vi sinh vật học		
358	16C 64 018	Hồ Bá	Vũ	Nam	03/06/1989	Đồng Tháp	Vi sinh vật học		
359	16C 64 019	Lê Thị Tường	Vy	Nữ	07/09/1987	Đăk Lăk	Vi sinh vật học		
360	16C 64 020	Trần Xuân Ngọc	Ánh	Nữ	07/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	CTS	
361	16C 64 021	Trần Hồng	Diễm	Nữ	29/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	Tự do	
362	16C 64 022	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	12/09/1994	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	Tự do	
363	16C 64 023	Lê Đăng	Lộc	Nam	02/09/1994	Đồng Nai	Vi sinh vật học	Tự do	
364	16C 64 024	Nguyễn Xuân	Tá	Nam	21/01/1993	Bình Định	Vi sinh vật học	CTS	
365	16C 64 025	Cao Hoàng Anh	Thư	Nữ	07/07/1993	Bình Dương	Vi sinh vật học	Tự do	
366	16C 64 026	Huỳnh Nguyễn Minh	Thư	Nữ	17/07/1994	Bến Tre	Vi sinh vật học	Tự do	
367	16C 64 027	Trịnh Nguyệt Huỳnh	Tiên	Nữ	19/08/1987	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	Tự do	
368	16C 64 028	Lê Thủy	Tiên	Nữ	14/01/1994	Bình Định	Vi sinh vật học	CTS	
369	16C 64 029	Viên Thị Thanh	Trúc	Nữ	05/02/1988	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	Tự do	
370	16C 64 030	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	19/12/1992	TP. Hồ Chí Minh	Vi sinh vật học	Tự do	
371	16C 65 001	Nguyễn Thế Trường	An	Nam	01/01/1989	Bình Thuận	Sinh thái học		
372	16C 65 002	Võ Thị Anh	Đào	Nữ	23/05/1993	TP. Hồ Chí Minh	Sinh thái học		